

Số: /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày tháng 3 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số  
của các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố  
trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2024**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 23/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các sở, ban, ngành; các huyện, thị xã, thành phố tỉnh Yên Bái;*

*Căn cứ Báo cáo thẩm định số 01/BC-HĐĐG ngày 26/02/2025 và Tờ trình số 08/TTr-HĐTĐ ngày 27/02/2025 của Hội đồng đánh giá kết quả chỉ số chuyển đổi số các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố tỉnh Yên Bái.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2024 (Chi tiết theo Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, đồng thời chỉ đạo rà soát, phân tích nguyên nhân của những hạn chế, những chỉ số có điểm còn thấp, từ đó đề ra các giải pháp khắc phục để cải thiện, nâng cao chỉ số chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị địa phương năm 2025 và các năm tiếp theo.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT. Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Yên Bái;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Yên Bái;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH, VX.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Tuấn Anh**

**Phụ lục I**  
**XẾP HẠNG CHỈ SỐ CHUYÊN ĐỔI SỐ CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Sở, ban, ngành	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Xếp hạng
1.	Sở Thông tin và Truyền thông	99,81%	1
2.	Văn phòng UBND tỉnh	91,76%	2
3.	Sở Tài chính	91,36%	3
4.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	91,35%	4
5.	Sở Giao thông Vận tải	91,33%	5
6.	Sở Tư pháp	91,32%	6
7.	Sở Nội vụ	90,20%	7
8.	Sở Giáo dục và Đào tạo	89,83%	8
9.	Công an tỉnh	88,48%	9
10.	Sở Tài nguyên và Môi trường	88,31%	10
11.	Sở Công Thương	81,99%	11
12.	Thanh tra tỉnh	81,82%	12
13.	Sở Y tế	81,75%	13
14.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	81,02%	14
15.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	80,91%	15
16.	Sở Xây dựng	80,06%	16
17.	Sở Khoa học và Công nghệ	79,89%	17
18.	Ban Quản lý các khu công nghiệp	78,89%	18
19.	Cục Thống kê tỉnh Yên Bái	74,59%	19
20.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	73,03%	20
21.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Yên Bái	70,19%	21
22.	Cục Thuế tỉnh Yên Bái	69,23%	22
23.	Ban Dân tộc tỉnh	68,85%	23
24.	Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái	58,58%	24

**Phụ lục II**  
**XẾP HẠNG CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CÁC HUYỆN,**  
**THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số: QĐ-UBND ngày /3/2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

<b>TT</b>	<b>Huyện, thị xã, thành phố</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành (%)</b>	<b>Xếp hạng</b>
1.	(1)	(6)	(7)
2.	Thành phố Yên Bái	88,45%	1
3.	Huyện Văn Yên	83,07%	2
4.	Huyện Yên Bình	79,48%	3
5.	Thị xã Nghĩa Lộ	77,22%	4
6.	Huyện Lục Yên	74,32%	5
7.	Huyện Trấn Yên	72,65%	6
8.	Huyện Mù Cang Chải	67,90%	7
9.	Huyện Văn Chấn	57,70%	8
10.	Huyện Trạm Tấu	52,80%	9